

Speak Now 1_Unit 3 : People		Lesson 10 : She's pretty smart ! (SB 24/25 & WB 27)	
1) Grammar			
(Asking for & Responding someone's personality)			
** What <u>are you</u> like ? (Bạn là người như thế nào ?)		>> I'm <u>very</u> friendly. (Tôi rất thân thiện.)	
** What's <u>your</u> personality ? (Bạn là người như thế nào ?)			
** What <u>is she</u> like ? = What's <u>she</u> like ? (Cô ta là người như thế nào ?)		>> She's <u>really</u> serious. (Cô ta thật sự rất nghiêm túc.)	
** What's (<u>his</u> / <u>her</u>) personality ? (<u>Anh ta</u> / <u>Cô ta</u> là người như thế nào ?)			
		>> He's <u>a little</u> shy. (Anh ta hơi nhát.)	
2) Vocabulary			
friendly >< unfriendly	thân thiện >< không thân thiện	patient >< impatient	kiên nhẫn >< thiếu kiên nhẫn
polite >< impolite	lịch sự >< không lịch sự	honest >< dishonest	chân thật >< không thật thà
quiet	yên tĩnh / trầm tính	active	tích cực
serious	ng nghiêm túc	smart	thông minh
shy	nhát / rụt rè	intelligent	
confident	tự tin	clever	
short-tempered	nóng tính	calm	điềm tĩnh / bình tĩnh
creative	sáng tạo	forgetful	hay quên
generous	hào phóng	mean	keo kiệt
strict	ng nghiêm khắc	caring	chu đáo
hard-working	chăm chỉ	lazy	lười biếng
selfish	ích kỷ	easy-going	dễ tính / dễ chịu
dynamic	năng động	flexible	linh hoạt
talkative	hay nói / nói nhiều	funny	hài hước / vui nhộn